ENGLISH ASSESSMENT REPORT – PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIẾNG ANH

Name (Tên)	Phạm Đức Hải	**Teacher (GV)**	Jessica
Class (Lớp)	Advanced B	**Term (Học kỳ)**	First term
Campus (Cơ sở)	Tân Thới Nhất 17	**Segment (PK)**	Advanced-PreK

PROGRESS REPORT – BẢNG THEO DÕI TIẾN ĐỘ HỌC TẬP

Category (Hạng mục)	Description (Mô tả)	Achieved Level (Mức độ đạt được)
Remembering (Khả năng ghi nhớ)	**Recalls and identifies familiar English words related to daily topics.** *(Nhớ và nhận diện được các từ tiếng Anh quen thuộc theo chủ đề hằng ngày.)*	C
	Repeats English sounds, letters, simple words, songs, or chants with teacher support. *(Lặp lại được âm, chữ cái, từ đơn giản, bài hát hoặc bài vè tiếng Anh.)*	C
Understanding (Khả năng thông hiểu)	**Understands simple English instructions and classroom language.** *(Hiểu các yêu cầu và ngôn ngữ lớp học đơn giản bằng tiếng Anh.)*	C
	Shows understanding of basic vocabulary through actions, pointing, or matching. *(Thể hiện sự hiểu từ vựng thông qua hành động, chỉ tranh hoặc nối.)*	C
Applying (Khả năng vận dụng)	**Uses simple English words or short phrases to express basic needs and responses.** *(Sử dụng từ hoặc cụm từ tiếng Anh đơn giản để diễn đạt nhu cầu cá nhân.)*	C
	Follows one- to two-step instructions in English during games and classroom activities. *(Thực hiện được hướng dẫn 1–2 bước bằng tiếng Anh trong hoạt động và trò chơi.)*	B
Analyzing (Khả năng phân tích)	**Compares and groups objects or pictures using English words.** *(So sánh và phân loại đồ vật/tranh bằng từ tiếng Anh đơn giản.)*	C
	Responds appropriately to simple questions by choosing, pointing, or giving short answers. *(Phản hồi phù hợp với câu hỏi đơn giản bằng cách chọn, chỉ hoặc trả lời ngắn.)*	C
Creating (Khả năng sáng tạo)	**Uses English words, short sentences, or gestures to participate in role-play, songs, or creative activities.** *(Sử dụng tiếng Anh kết hợp cử chỉ để tham gia đóng vai, hát hoặc hoạt động sáng tạo.)*	C
	Attempts to express personal ideas or preferences using familiar English language. *(Bước đầu diễn đạt ý thích hoặc suy nghĩ cá nhân bằng tiếng Anh quen thuộc.)*	C
Teacher's Comment (Nhận xét của giáo viên)	**Speaking skills are not yet fully developed, and listening comprehension needs improvement. He doesn't fully grasp the instructions when listening. His concentration during English lessons is sometimes inconsistent and may need gentle reminders to stay focused. The child still needs support and guidance from the teacher to feel confident participating in communication and completing tasks. It is encouraged to learn through games, songs, and interactive activities to improve reflexes, increase interest, and build confidence in communication.**	

Nguyễn Thụy Mộng Tuyền — **Principal signature**

31/12/2025 — **Date**

PROGRESS EVALUATION RUBRIC (OBSERVATION-BASED)

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ TIẾN TRÌNH (DỰA TRÊN QUAN SÁT)

Achieved Level (Mức độ đạt được)	Description (Mô tả)
A+	**The student consistently completes all tasks with confidence and uses English naturally.** (Trẻ luôn hoàn thành tốt mọi hoạt động, chủ động sử dụng tiếng Anh một cách tự nhiên.)
A	**The student participates actively and uses English when prompted.** (Trẻ tham gia tích cực, sử dụng tiếng Anh khi được gợi ý.)
B	**The student participates with some support; needs reminders to use English.** (Trẻ tham gia với sự hỗ trợ; cần được nhắc nhở để sử dụng tiếng Anh.)
C	**The student has limited participation; hesitant or rarely uses English.** (Trẻ ít tham gia; còn lúng túng hoặc hiếm khi sử dụng tiếng Anh.)